

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 51/2020/DS-ST

Ngày: 04/8/2020

V/v: “Tranh chấp tiền hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Phước Nghĩa

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp tiền hụi*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXX-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị UL**, sinh năm 1972

Địa chỉ: khu phố Mỹ Hòa, thị trấn Sóc Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1991

Địa chỉ: khu phố Mỹ Hòa, thị trấn Sóc Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG..

(Các đương sự có mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị UL trình bày như sau:*

Vào ngày 24/11/2014 bà Nguyễn Thị UL có cho bà Phạm Thị Đ vay số tiền là 26.000.000 đồng. Qua nhiều lần yêu cầu trả nợ thì phía bà Đ có trả cho bà UL số tiền là 8.000.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả được.

Nay bà Nguyễn Thị UL yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Đ phải trả cho bà số tiền còn nợ là 18.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn bà Phạm Thị Đ trình bày như sau:*

Bà thừa nhận trước đây vào ngày 24/11/2014 bà có ký biên bản xác nhận nợ với bà Nguyễn Thị UL, số tiền nợ là 26.000.000 đồng. Tuy nhiên đây không phải là tiền vay mà là tiền hụi trước đây hai bên thỏa thuận với nhau. Cụ thể trước đây bà Đ và bà UL có tham gia chơi hụi do bà Võ Thị Hồng Đ làm chủ. Sau khi bà Hồng Đ bế hụi thì bà Phạm Thị Đ còn nợ bà Hồng Đ số tiền hụi chết là 26.000.000 đồng. Trong khi đó bà Hồng Đ lại nợ tiền hụi sống của bà UL nên ba bên thỏa thuận với nhau bà Đ sẽ trả số tiền 26.000.000 đồng cho bà UL mà không phải trả cho bà Hồng Đ nữa. Sau đó bà Đ đã trả cho bà UL được 8.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị UL yêu cầu bà phải trả số tiền còn nợ là 18.000.000 đồng thì bà Đ không đồng ý vì cho rằng số tiền 18.000.000 đồng bà đã trả cho chủ hụi trước khi làm giấy xác nhận nợ với bà UL.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào giấy xác nhận nợ các bên đã ký ngày 24/11/2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đ trả cho bà UL số tiền 18.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị UL khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Đ trả số tiền còn nợ là 18.000.000 đồng. Bà Phạm Thị Đ cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh

Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất và thừa nhận như sau: Trước đây bà Nguyễn Thị UL và bà Phạm Thị Đ có tham gia chơi hụi do bà Võ Thị Hồng Đ làm chủ. Sau khi bà Hồng Đ bị bể hụi thì bà Phạm Thị Đ còn nợ bà Hồng Đ số tiền hụi chết là 26.000.000 đồng. Trong khi đó bà Hồng Đ lại nợ tiền hụi sống của bà UL nên ba bên thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ với nhau, cụ thể bà Phạm Thị Đ sẽ trả số tiền 26.000.000 đồng cho bà UL mà không phải trả cho chủ hụi là bà Hồng Đ nữa. Việc thỏa thuận này các bên có lập Biên bản xác nhận nợ ngày 24/11/2014 (BL08), có xác nhận của Ban lãnh đạo khu phố Mỹ Hòa. Sau đó bà Đ đã trả cho bà UL được 8.000.000 đồng. Như vậy việc chuyển giao nghĩa vụ giữa các bên đã có hiệu lực kể từ ngày 24/11/2014 và đã được thực hiện một phần. Do vậy nội dung khởi kiện của bà UL yêu cầu bà Đ trả cho bà tiếp số tiền 18.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với lời khai của bà Phạm Thị Đ cho rằng số tiền 18.000.000 đồng bà đã trả cho chủ hụi là bà Hồng Đ trước khi làm giấy xác nhận nợ ngày 24/11/2014. Lời trình bày này của bà Đ không phù hợp với thực tế nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Đ phải trả cho bà UL số tiền 18.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.000.000 đồng x 5% = 900.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 370 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị UL.

Buộc bà Phạm Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị UL số tiền là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST: Bà Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị UL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009300 ngày 03/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cúc